

LECO HOME

Địa chỉ: 989 Tam Trinh, Hoàng Mai, Hà Nội

Địa chỉ: kdt Liêm Chính, Phú Lý, Hà Nam

Hotline: 097.145.08.08 - 097.156.15.15 - 098.172.15.15

BẢNG BÁO GIÁ VÒI LAVABO






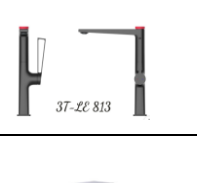



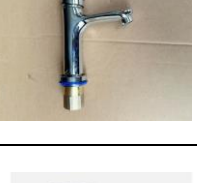

| | | | | |
|----------------------------------|----------------|--|--|--|
| Kính gửi: Quý Khách hàng! | Số báo giá: 01 | | | |
| Người nhận: | Người gửi: | | | |
| Địa chỉ: | | | | |
| MST: | Tel: | | | |
| Skybe/yahoo: | Zalo: | | | |
| Email: | Email: | | | |

Cảm ơn Quý khách hàng đã gửi yêu cầu chào giá tới chúng tôi.

LECO HOME trân trọng gửi tới Quý khách hàng bảng báo

| STT | Mã sản phẩm | Hình ảnh | Đơn giá (VND) | Trọng lượng - Kích thước | | ƯU ĐIỂM TIME BẢO HÀNH | Ghi Chú |
|-----|-----------------|---|---------------|--------------------------|------------------|---|---------|
| | | | | kích thước (mm) | trọng lượng (kg) | | |
| 1 | LE501 |  | 890,000 | | | Tỷ lệ đồng 59%, mạ Level 10. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | Mẫu Mới |
| 2 | LE 502 |  | 890,000 | | | Tỷ lệ đồng 59%, mạ Level 10. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | Mẫu Mới |
| 3 | LE 503 |  | 890,000 | | | Tỷ lệ đồng 59%, mạ Level 10. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | Mẫu Mới |
| 4 | LE 504 |  | 990,000 | | | Tỷ lệ đồng 59%, mạ Level 10. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | Mẫu Mới |
| 5 | LE507 |  | 1,790,000 | 170*40*160 | 1,2 kg | Tỷ lệ đồng 59%, mạ Level 10. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | Mẫu Mới |
| 6 | Vòi 2T - Le026D |  | 890,000 | | | | |

| | | | | | | | |
|----|--------------------|--|-----------|-------------|----------|---|-----|
| 7 | Vòi 3T - Le027D |  | 990,000 | | | | |
| 8 | Vòi 2T- VCA023D |  | 890,000 | | | Tỷ lệ đồng 59%, mạ 10 lớp. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | |
| 9 | Vòi 2T- DM924 |  | 1,790,000 | | | Tỷ lệ đồng 59%, mạ 10 lớp. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | |
| 10 | Vòi LE- 085 |  | 790,000 | | | Tỷ lệ đồng 56%, mạ 9 lớp. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | |
| 11 | 2T LE505 |  Le505 | 1,490,000 | 190*40*16,5 | 1.6 kg | Tỷ lệ đồng 59%, mạ Level 10. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | mới |
| 12 | 3T LE506 |  Le506 | 1,990,000 | 230*40*32,5 | 1.8 kg | Tỷ lệ đồng 59%, mạ Level 10. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | mới |
| 13 | Vòi 2TLE - 208 |  | 890,000 | 150*45*150 | 0,8 kg | Tỷ lệ đồng 59%, mạ Level 10. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | |
| 14 | Vòi 3TLE - 209 |  | 990,000 | 180*45*270 | 1,2 kg | Tỷ lệ đồng 59%, mạ Level 10. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | |
| 15 | Vòi 2T-LE 801 |  | 990,000 | 170*40*165 | 1.2 (kg) | Tỷ lệ đồng 59%, mạ 10 lớp. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | |

| | | | | | | | |
|----|-----------------------------|---|-----------|------------|---------|--|--|
| 16 | Vòi 2T- LE 802 (màu gray) |  | 990,000 | | | Tỷ lệ đồng 59%,mạ 10 lớp. Mẫu Crom 5 năm Mẫu titan 3 năm. | |
| 17 | Vòi 3T- LE 803 (màu gray) |  | 1,590,000 | | | Tỷ lệ đồng 59%,mạ 10 lớp. Mẫu Crom 5 năm Mẫu titan 3 năm. | |
| 18 | Vòi 2T - LE 804 (màu chome) |  | 990,000 | 140*40*160 | 1.0(kg) | Tỷ lệ đồng 59%,mạ Level 10. Mẫu Crom 5 năm Mẫu titan 3 năm. | |
| 19 | Vòi 3T - LE 805 (màu chome) |  | 1,590,000 | | | Tỷ lệ đồng 59%,mạ Level 10. Mẫu Crom 5 năm Mẫu titan 3 năm. | |
| 20 | Vòi 3T - LE 806 |  | 1,890,000 | 230*35*315 | 2.0(kg) | Tỷ lệ đồng 59%,mạ Level 10. Mẫu Crom 5 năm Mẫu titan 3 năm. | |
| 21 | Vòi 3T -LE 813 |  | 1,890,000 | | | Tỷ lệ đồng 59%,mạ 10 lớp. Mẫu Crom 5 năm Mẫu titan 3 năm. | |
| 22 | Vòi 2T- LE 807 |  | 1,690,000 | | | Tỷ lệ đồng 59%,mạ 10 lớp. Mẫu Crom 5 năm Mẫu titan 3 năm. | |
| 23 | Vòi 2T- LE 808 |  | 1,390,000 | | | Tỷ lệ đồng 59%,mạ Level 10. Mẫu Crom 5 năm Mẫu titan 3 năm. | |
| 24 | Vòi 3T - LE 809 |  | 1,590,000 | | | Tỷ lệ đồng 59%,mạ 10 lớp. Mẫu Crom 5 năm Mẫu titan 3 năm. | |
| 25 | VÒI LE-701 |  | 690,000 | | 0.6(kg) | Tỷ lệ đồng 56%,mạ Level 9. Mẫu Crom 5 năm Mẫu titan 3 năm. | |
| 26 | VÒI LE-702 |  | 890,000 | 170*35*170 | 0.9(kg) | Tỷ lệ đồng 56%,mạ Level 9. Mẫu Crom 5 năm Mẫu titan 3 năm. | |

| | | | | | | | |
|----|-----------------------|---|-----------|--|--------|--|------------------|
| 27 | VÒI 3TLE-703 |  | 890,000 | | | Tỷ lệ đồng 56%, mạ Level 9. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | |
| 28 | VÒI 2T-LE901 |  | 990,000 | | | Tỷ lệ đồng 59%, mạ 10 lớp. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | |
| 29 | VÒI 2T-LE902 |  | 1,290,000 | | | Tỷ lệ đồng 59%, mạ 10 lớp. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | |
| 30 | 2T LE 603 |  | 390,000 | | | Tỷ lệ đồng 56%, mạ 9 Lớp. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | vòi 1 đường nước |
| 31 | 2T LE 602 |  | 690,000 | | | Inox xước mờ | |
| 32 | VÒI 2T-601 |  | 690,000 | | | Inox xước mờ | |
| 33 | vòi 3 lỗ LE - 8031 |  | 790,000 | | 0,9 kg | Tỷ lệ đồng 56%, mạ 9 Lớp. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | |
| 34 | vòi 3 lỗ LE - 8032 |  | 890,000 | | 1 kg | Tỷ lệ đồng 56%, mạ 9 Lớp. Màu Crom 5 năm Màu titan 3 năm. | |

